

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CUNG ỨNG DỊCH VỤ CỦA CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP NGOẠI THÀNH HÀ NỘI: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU TẠI XÃ VÂN NỘI, HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI

Nguyễn Thị Hải Ninh*, Trần Mạnh Hải**

Ngày nhận: 18/9/2015

Ngày nhận bản sửa: 20/11/2015

Ngày duyệt đăng: 25/12/2015

Tóm tắt:

Kết quả nghiên cứu 60 hộ nông dân xã Vân Nội cho thấy dịch vụ bảo vệ thực vật và khuyến nông được trên 80% hộ xã viên sử dụng, hộ không phải thành viên Hợp tác xã sử dụng 2 loại dịch vụ này ít hơn 40%; đánh giá của hộ nông dân về các dịch vụ của 3 Hợp tác xã tập trung vào hai luồng ý kiến tốt và trung bình. Mô hình logistic khẳng định giới tính chủ hộ, mức độ đáp ứng dịch vụ, chất lượng dịch vụ, thái độ phục vụ của cán bộ Hợp tác xã là những yếu tố ảnh hưởng tới quyết định sử dụng dịch vụ của hộ dân. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ của Hợp tác xã tại Vân Nội được đề xuất là: (i) Hợp tác xã cần mở rộng, đa dạng hóa dịch vụ; (ii) Thay đổi cách thức cung cấp dịch vụ thủy nông và khuyến nông theo hướng dựa trên nhu cầu của hộ nông dân; (iii) Tuyên truyền, thay đổi nhận thức của cán bộ Hợp tác xã để hoạt động cung ứng dịch vụ tốt hơn.

Từ khóa: dịch vụ nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, hộ nông dân

Solutions to improving efficiency of service delivery of agricultural cooperatives in the countryside of Hanoi: Case study in Van Noi commune, Dong Anh district, Hanoi

Abstract

The findings of the research on 60 farm households in Van Noi commune show that the plant protection and agricultural extension services are used by over 80% of the cooperative household members and 40% of the non-member households. The evaluation opinions of the households on the agricultural services provided by the three cooperatives are at "good" and "average" levels. The results of binary logistic model analysis confirms that gender of household head, level of satisfaction of service type, service quality and behavior of co-operative staff are factors influencing the decision of the surveyed households to use services. Based on the findings, a number of solutions are proposed, including: (i) training on management skills for cooperative staff; (ii) promoting fundraising for cooperative activities through the links with enterprises and business establishments; (iii) communicating and improving awareness of cooperative staff for better service delivery.

Keywords: agricultural cooperatives, agricultural services, farmer households

1. Đặt vấn đề

Hợp tác xã là một loại hình kinh tế tập thể khá phổ biến, hoạt động trên nhiều lĩnh vực đời sống xã hội và hiện diện ở các nền kinh tế có trình độ phát triển khác nhau; cho đến nay, tại nhiều nước trên thế giới như Đức, Hà Lan, Nhật Bản, hợp tác xã vẫn tỏ ra là một mô hình hoạt động hiệu quả, có sức cạnh tranh và khả năng hội nhập với xu thế toàn cầu hóa.

Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn coi hợp tác xã như một thành phần kinh tế chủ lực trong khu vực nông thôn nên đã đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ phát triển các hợp tác xã về vốn, về đào tạo nhân lực, về xúc tiến thương mại khiến cho số lượng Hợp tác xã không ngừng tăng lên. Theo số liệu thống kê của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam cả nước hiện có 18.016 hợp tác xã, trong đó 10.052 Hợp tác xã nông

nghiệp với sự tham gia của 6,7 triệu hộ xã viên; mặc dù có số lượng đông đảo nhưng xét trên phương diện chất lượng, hiện chỉ có khoảng 40% số Hợp tác xã hoạt động hiệu quả, còn 20% yếu kém (Báo Điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam, 2016).

Nhìn chung, các chính sách đã tạo điều kiện cho Hợp tác xã phát triển nhanh về số lượng nhưng theo Chính phủ (2012) thì hoạt động của các hợp tác xã nói chung và hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp nói riêng còn nhiều lúng túng, mang tính hình thức và kém hiệu quả; chưa mang lại nhiều lợi ích cho xã viên; xã viên chưa hoàn toàn yên tâm và chưa toàn tâm đóng góp xây dựng hợp tác xã; hợp tác xã chưa hấp dẫn nhân dân, tổ chức khác tham gia.

Những năm vừa qua, trong khu vực nông thôn của thành phố Hà Nội có nhiều hợp tác xã mới thành lập và nhiều Hợp tác xã kiểu cũ chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình hợp tác xã kiểu mới. Một cách khái quát, Hợp tác xã kiểu mới trong nông nghiệp được biết đến với hai hình thức là Hợp tác xã nông nghiệp đa chức năng và Hợp tác xã nông nghiệp chuyên ngành (Phạm Bảo Dương, 2012). Theo Liên minh Hợp tác xã Hà Nội, quá trình chuyển đổi hình thức hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ ở ngoại thành Hà Nội sang loại hình Hợp tác xã đa chức năng còn gặp nhiều khó khăn do cơ sở vật chất thiếu thốn, vốn nghèo, môi trường kinh doanh nông nghiệp chịu nhiều áp lực. Bên cạnh đó, bộ máy quản lý Hợp tác xã chưa đáp ứng với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, chưa xây dựng được những phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ khả thi nên kết quả hoạt động không như mong đợi (Sơn Tùng, 2015).

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp nói chung trong quá trình chuyển đổi hoạt động từ Hợp tác xã kiểu cũ sang Hợp tác xã kiểu mới, đã có không ít giải pháp được các nghiên cứu đề xuất như: lập phương án sản xuất kinh doanh cụ thể hàng năm để người dân và thành viên Hợp tác xã thấy được hiệu quả thật sự của các loại hình dịch vụ; minh bạch các nguồn thu chi tài chính để người dân và thành viên biết và từ đó giúp họ có lòng tin vào Ban quản lý của Hợp tác xã (Nguyễn Văn Tuấn, 2013). Như vậy có thể nói tìm ra giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ của các hợp tác xã nông nghiệp nói chung và Hợp tác xã nông nghiệp ngoại thành Hà Nội nói riêng là điều hết sức cần thiết.

2. Mục tiêu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu của bài viết là tìm hiểu thực trạng hoạt động cung ứng dịch vụ của các hợp tác xã xã Vân Nội; phân tích những đánh giá của người sử dụng (bao gồm hộ xã viên và các hộ nông dân khác) về hoạt động cung ứng dịch vụ của hợp tác xã để từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ của các hợp tác xã trên địa bàn nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Sau gần 15 năm chuyển đổi từ Hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ sang kiểu mới, số lượng Hợp tác xã xã Vân Nội đã tăng lên đáng kể và ngày càng hoàn thiện về chất lượng hoạt động. Tính đến năm 2014, xã Vân Nội có 6 Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và 7 Hợp tác xã sản xuất rau an toàn (Ủy ban Nhân dân xã Vân Nội, 2014).

Để thực hiện được các mục tiêu nêu trên, nghiên cứu đã tiến hành thu thập thông tin về sự hình thành và phát triển cũng như hoạt động của 3 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã Vân Nội (bao gồm Hợp tác xã Đông Tây; Hợp tác xã Ba Chữ và Hợp tác xã Thổ Bào) thông qua phỏng vấn cán bộ quản lý và nông hộ với bảng câu hỏi được soạn riêng cho từng đối tượng (Trần Quốc Nhân & cộng sự, 2012). Các cán bộ quản lý được khảo sát bao gồm nhóm cán bộ triển khai chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã và nhóm cán bộ tham gia điều hành các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp. Bên cạnh đó, hai nhóm nông hộ được điều tra là: (1) 45 hộ xã viên của các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp; (2) 15 hộ không phải là thành viên của các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp nhưng cùng sinh sống trên địa bàn nghiên cứu.

Số liệu sau khi được tổng hợp và phân tích bằng các phương pháp thống kê mô tả, sẽ được sử dụng trong mô hình binary logistic nhằm cung cấp rõ nét hơn các yếu tố ảnh hưởng đến việc hộ nông dân có quyết định sử dụng dịch vụ của các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã Vân Nội. Mô hình bao gồm 9 biến độc lập như sau:

$$\text{Log} [P/(1-P)] = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \dots + \beta_9 X_9$$

Trong đó: biến phụ thuộc nhận giá trị 1 nếu hộ có sử dụng dịch vụ của hợp tác xã và nhận giá trị 0 khi hộ không sử dụng dịch vụ. Tỷ số $P/(1-P)$ mô tả tỷ lệ xác suất một hộ có hay không sử dụng dịch vụ của các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp. Các biến độc lập X đại diện cho những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ của hộ nông dân bao gồm đặc điểm kinh tế xã hội của hộ như giới tính chủ hộ, trình độ học vấn và ngành nghề sản xuất chính; và tính chất dịch vụ của hợp tác xã đó là mức độ đáp ứng đầy đủ của các loại dịch vụ, chất lượng

Bảng 1: Thông tin chung về các hợp tác xã điều tra

	DVT	Đông Tây	Ba Chữ	Thố Bảo
Ban quản trị	Người	3	6	5
Ban kiểm soát	Người	1	1	1
Kế toán	Người	1	1	1
Số hộ xã viên/Hợp tác xã	Hộ	470	380	670
Đất nông nghiệp/hộ xã viên	Ha/hộ	0,85	0,92	0,79

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2015

cung ứng dịch vụ, giá cả dịch vụ, tính kịp thời của dịch vụ, thái độ phục vụ của cán bộ hợp tác xã; hộ xã viên và hộ không phải xã viên Hợp tác xã cũng được cho là một yếu tố quyết định đến việc sử dụng dịch vụ.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Khái quát cơ cấu tổ chức các hợp tác xã xã Vân Nội

Từ khi thực hiện chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2003, bộ máy quản lý của các hợp tác xã được tinh giảm gọn nhẹ, cơ cấu tổ chức được cải tiến và chức năng, quyền hạn của mỗi cán bộ cũng được phân định rõ ràng hơn. Ban Quản trị và Ban Kiểm soát được bầu thông qua Đại hội xã viên và chịu trách nhiệm trước toàn thể xã viên về quản lý, điều hành cũng như giám sát các hoạt động của Hợp tác xã. Số lượng thành viên trong Ban Quản trị phụ thuộc vào quy mô hoạt động của mỗi Hợp tác xã, tiêu biểu như Hợp tác xã Ba Chữ với phạm vi hoạt động rộng, diện tích đất nông nghiệp trung bình của mỗi hộ xã viên lớn nhất (0,92 ha/hộ) nên số lượng thành viên tham gia Ban Quản trị lớn hơn Hợp tác xã Đông Tây và Thố Bảo. Kết quả tổng hợp ý kiến đánh giá từ các hộ xã viên cho thấy hơn 88% cho rằng cơ cấu tổ chức của các hợp tác xã tại Vân Nội như hiện nay là phù hợp về số lượng; tuy nhiên chất lượng hoạt động của từng bộ phận, đặc biệt là của Ban Quản trị lại thu được nhiều ý kiến trái chiều như "Bộ máy quản lý lạc hậu, không có sự tiến bộ và đổi mới" (*Lại Đức Nhám, xã viên Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Đông Tây, xã Vân Nội*) và hơn 75% số xã viên được hỏi cho rằng Ban Quản trị không có năng lực điều hành hoạt động của Hợp tác xã dẫn tới kết quả sản xuất kinh doanh được công bố tại đại hội xã viên là không cao và thiếu minh bạch.

Có thể nói, ý kiến đánh giá của xã viên đã phản ánh phần nào thực trạng cơ cấu tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tại Vân Nội. Bộ máy từ 5 đến 7 cán bộ trình độ chuyên môn nghiệp vụ thấp tỏ ra không phù hợp để điều hành

các hoạt động dịch vụ nông nghiệp có sự cạnh tranh từ nhiều đơn vị tư nhân. Tuy nhiên, bên cạnh nhân tố con người thì nguồn vốn cũng góp phần quan trọng trong sự thành công về sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã. Ở Hợp tác xã Ba Chữ và Đông Tây, vốn góp của mỗi hộ xã viên là 500.000 VND/năm và ở Hợp tác xã Thố Bảo là 600.000 VND/năm; nguồn vốn góp này rõ ràng không đủ để hợp tác xã trang bị cơ sở vật chất có sức cạnh tranh với nhiều đơn vị tư nhân khác. Cho nên, sự thiếu hiệu quả của các hoạt động tại hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp ở Vân Nội có thể khẳng định đến từ nguyên nhân thiếu vốn sản xuất bên cạnh năng lực quản lý yếu kém của Ban Quản trị.

3.2. Thực trạng cung ứng dịch vụ nông nghiệp của các hợp tác xã xã Vân Nội

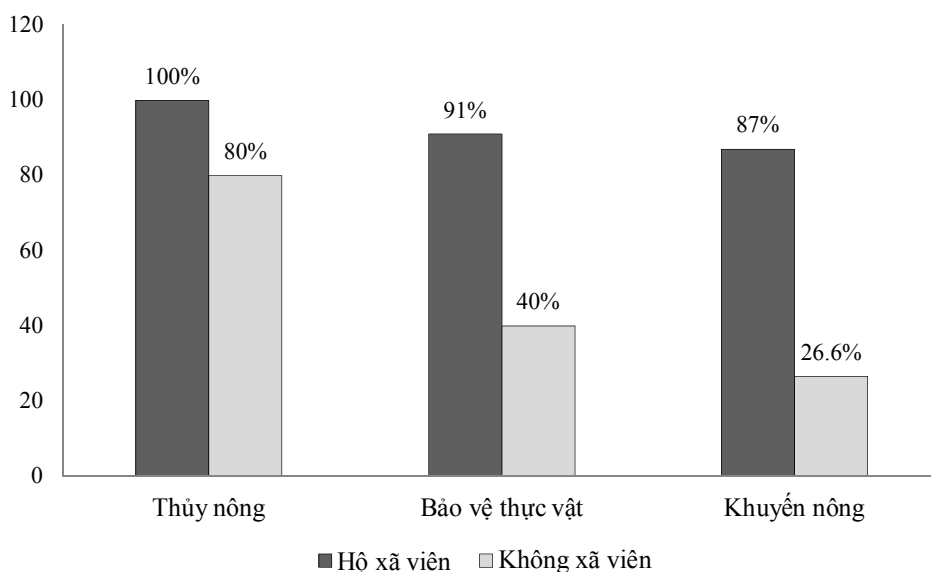
3.2.1. Các dịch vụ cung ứng chính

Có 3 loại hình dịch vụ nông nghiệp chính được cung ứng tại các hợp tác xã nghiên cứu bao gồm dịch vụ thủy nông, dịch vụ bảo vệ thực vật và dịch vụ khuyến nông - chuyển giao tiến bộ kỹ thuật. Kết quả điều tra từ các hộ xã viên và hộ không phải xã viên Hợp tác xã cho thấy, dịch vụ thủy nông được 100% hộ xã viên sử dụng, trong khi đó chỉ có 80% số hộ không phải xã viên dùng dịch vụ thủy nông của Hợp tác xã; dịch vụ khuyến nông - chuyển giao tiến bộ kỹ thuật chỉ thu hút được 26,6% số hộ không phải xã viên tham gia. Như vậy các hộ xã viên có xu hướng sử dụng dịch vụ của Hợp tác xã nhiều hơn các hộ không phải xã viên; điều này được các hộ xã viên giải thích do họ thấy được trách nhiệm của mình khi là thành viên của Hợp tác xã; những hộ không phải thành viên Hợp tác xã thì cho rằng họ sử dụng dịch vụ thủy nông vì có chất lượng tốt.

3.2.2. Đánh giá của hộ nông dân về hoạt động cung ứng dịch vụ của các hợp tác xã

Thủy nông là dịch vụ gắn liền với hệ thống công trình thủy lợi của Nhà nước, liên quan đến lợi ích chung của cả cộng đồng và vượt khả năng cung ứng

Hình 1: Hộ có sử dụng dịch vụ của các hợp tác xã



Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2015

của các đơn vị tư nhân, vì vậy đa số các hộ xã viên và không xã viên đều phải sử dụng dịch vụ này. Công tác tưới tiêu được sự điều hành của Ban Quản trị Hợp tác xã dựa trên lịch cung cấp nước của đơn vị thủy nông cấp huyện, nhiệm vụ chính của cán bộ thủy nông Hợp tác xã là mở các cửa cống kịp thời đưa nước vào đồng ruộng. Do đó, đánh giá của các hộ về dịch vụ thủy nông của Hợp tác xã được thể hiện tập trung trên khía cạnh thời gian đáp ứng dịch vụ.

Số liệu tổng hợp từ 60 hộ điều tra cho thấy trên 70% các hộ xã viên cho rằng dịch vụ thủy nông của Hợp tác xã đáp ứng ở mức nhanh và bình thường; con số này ở các hộ không phải xã viên là trên 68% và 31,8% số hộ còn lại cho rằng nước tưới đưa đến ruộng chưa kịp thời, nhiều chân ruộng còn để khô cho đến khi có sự phản ánh của các hộ dân với Hợp tác xã. Giải thích cho hiện tượng này, Hợp tác xã cho rằng một số hệ thống mương máng nội đồng đã quá cũ, nước chảy chậm hoặc không thể tự chảy đến nên ruộng của nhiều hộ dân được tưới muộn hơn so với các hộ khác. Thực trạng này phần nào cho thấy sự thiếu đầu tư trong cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động của hợp tác xã, đồng thời cũng phản ánh sự yếu kém trong công tác quản lý và tổ chức hoạt

động của các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tại Vân Nội.

Dịch vụ bảo vệ thực vật được đầu tư chú trọng bởi tính chất quan trọng của nó trong sản xuất nông nghiệp. Do đó, dịch vụ bảo vệ thực vật được thực hiện trên tất cả hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tại xã Vân Nội, các hợp tác xã có thể ký hợp đồng trực tiếp với trạm bảo vệ thực vật huyện hoặc tự dự tính tình hình sâu bệnh để thu phí dịch vụ của xã viên theo phương án sản xuất kinh doanh hàng năm. Hiện nay, có 4 loại hình dịch vụ bảo vệ thực vật các hợp tác xã thực hiện bao gồm dự báo tình hình sâu bệnh, hướng dẫn phương pháp phòng trừ sâu bệnh, hướng dẫn các loại thuốc cần mua và hướng dẫn cách sử dụng thuốc. Trong số 4 dịch vụ này, các hộ xã viên chủ yếu tập trung sử dụng dịch vụ dự báo tình hình sâu bệnh (xấp xỉ 43% số hộ điều tra) và cách phòng trừ bệnh (hơn 14% số hộ điều tra); thuốc phòng trừ sâu bệnh thì các hộ hầu như không mua của Hợp tác xã bởi họ cho rằng mua ở các đại lý đa dạng hơn về chủng loại và thuận tiện hơn về thời gian.

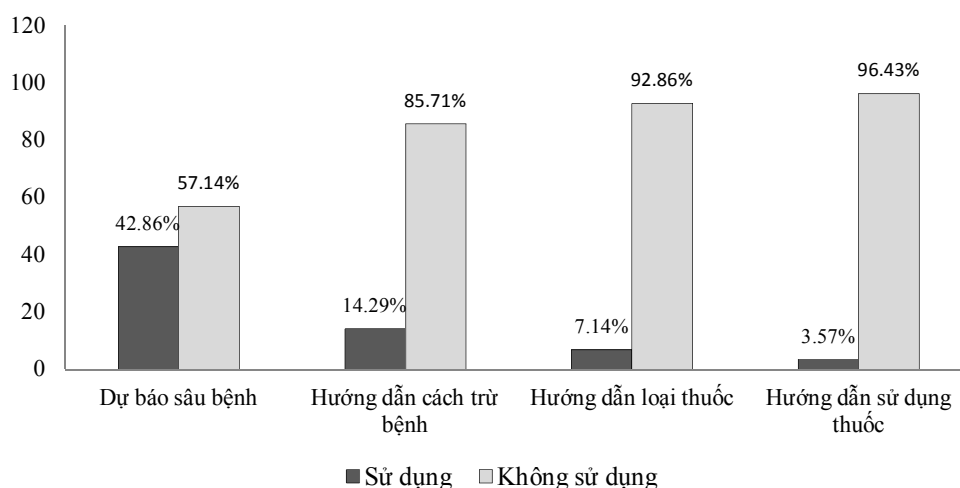
Đánh giá về hoạt động cung cấp dịch vụ bảo vệ thực vật của Hợp tác xã tại Vân Nội được nhóm nghiên cứu tiến hành trên hai phương diện: chất

Bảng 2: Đánh giá của hộ dân về mức độ kịp thời của dịch vụ thủy nông

	Nhanh	Bình thường	Chậm
Hộ xã viên (%)	33,3	40,0	26,7
Hộ không xã viên (%)	26,6	41,6	31,8

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2015

Hình 2: Hộ nông dân sử dụng dịch vụ bảo vệ thực vật của Hợp tác xã



Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2015

Bảng 3: Đánh giá của hộ nông dân về chất lượng dịch vụ bảo vệ thực vật

	Tốt	Trung bình	Không tốt
Hộ xã viên (%)	67,3	25,9	6,8
Hộ không xã viên (%)	53,7	30,0	16,3

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2015

lượng dịch vụ và giá cả của dịch vụ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy xã viên của các hợp tác xã phải trả trung bình 1 kg thóc/sào/vụ cho các dịch vụ dự báo tình hình sâu bệnh và hướng dẫn phương pháp phòng trừ; Hợp tác xã chỉ cấp phát một số thuốc bảo vệ thực vật cho xã viên khi có dịch bệnh nên giá cả dịch vụ không được đưa vào đánh giá. Chất lượng dịch vụ bảo vệ thực vật được xem xét trên 3 mức độ tốt, trung bình và không tốt.

Nhìn chung, hoạt động cung ứng dịch vụ bảo vệ thực vật được các hộ xã viên và không phải xã viên nhìn nhận phổ biến là tốt, tỷ lệ hộ xã viên đánh giá ở mức tốt cao hơn (67,3%) so với tỷ lệ đánh giá tốt của hộ không phải xã viên Hợp tác xã (53,7%). Bên cạnh đó, vẫn còn một số lượng nhỏ (16,3%) các hộ không phải xã viên cho rằng hoạt động dự báo tình hình sâu bệnh của Hợp tác xã thực hiện chưa được tốt với lý do dự báo không kịp thời, để hiện tượng sâu bệnh xảy ra rồi cán bộ Hợp tác xã mới thông báo đến người dân.

Tóm lại, nghiên cứu về dịch vụ bảo vệ thực vật tại 3 Hợp tác xã Đông Tây, Ba Chũr và Thố Bảo cho thấy hoạt động này thiếu về số lượng và yếu về chất lượng, đặc biệt với các hộ nông dân trồng rau an toàn thì càng cần hơn nữa sự hỗ trợ tích cực về dịch vụ bảo vệ thực vật từ phía hợp tác xã.

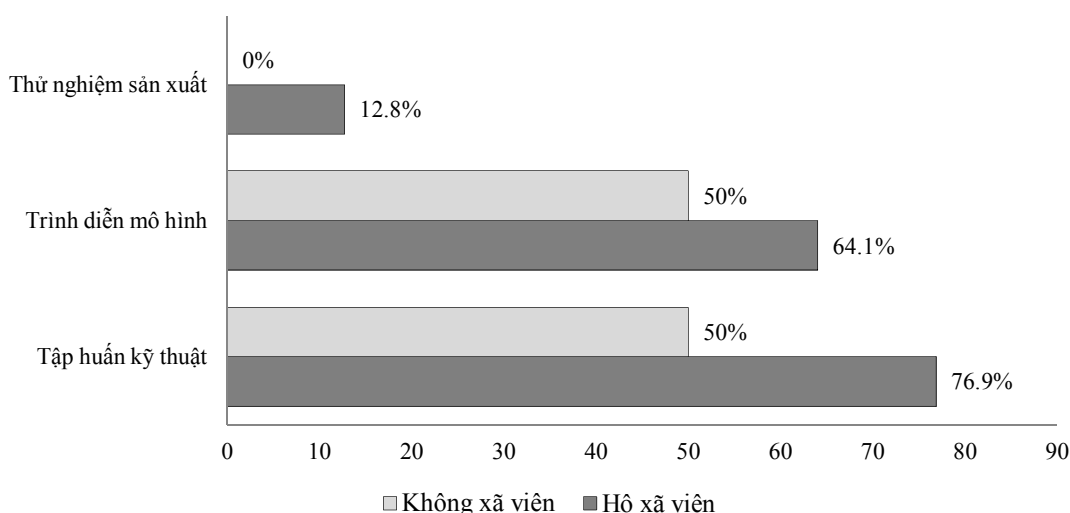
Ngoài dịch vụ thủy nông và bảo vệ thực vật, dịch

vụ khuyến nông cũng được 100% số Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp ở Vân Nội cung ứng. Để thực hiện dịch vụ này, các hợp tác xã phối hợp với cán bộ khuyến nông và cán bộ bảo vệ thực vật của xã tổ chức tập huấn kỹ thuật gieo trồng chăm sóc các cây con mới; tổ chức mô hình trình diễn và thử nghiệm sản xuất. Các hộ xã viên tham gia tích cực vào các lớp tập huấn kỹ thuật với gần 77% và trình diễn mô hình với hơn 64%; các hộ không phải xã viên cũng tham gia vào hai hoạt động này với tỷ lệ 50%. Một trong những lý do được các hộ giải thích cho sự tham gia nhiệt tình là dịch vụ khuyến nông mang lại nhiều lợi ích cho sản xuất nông nghiệp; bên cạnh đó, mức phí tham gia được Hợp tác xã hỗ trợ, các hộ chỉ phải đóng 2 kg thóc/sào/năm.

Lợi ích và sự hiệu quả của dịch vụ khuyến nông được các hộ tham gia đánh giá dựa trên mức độ đáp ứng của các lớp tập huấn kỹ thuật hay mô hình trình diễn đối với thực tế sản xuất nông nghiệp của hộ. Kết quả minh họa trên bảng 4 khẳng định phần đông hộ xã viên tham gia tập huấn có thể áp dụng kiến thức mới vào sản xuất (trên 51%); các hộ không phải xã viên hợp tác xã thì phổ biến cho rằng họ chỉ có thể sử dụng một phần những kiến thức học được vào trong sản xuất với 75% ý kiến.

Nói một cách khái quát, dịch vụ khuyến nông cung cấp bởi các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tại

Hình 3: Hộ sử dụng dịch vụ khuyến nông của hợp tác xã



Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2015

Vân Nội chưa đáp ứng được nhu cầu của hộ sản xuất. Hoạt động khuyến nông vẫn mang tính truyền thống, cung cấp những kiến thức sản xuất tuy mới nhưng được sắp đặt theo kế hoạch hàng năm, không dựa trên nhu cầu thực tế của người sản xuất nên nhiều trường hợp cho rằng dịch vụ khuyến nông không đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong sản xuất.

3.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng của hộ nông dân đối với dịch vụ nông nghiệp cung ứng bởi các hợp tác xã xã Vân Nội

Những phân tích về thực trạng cung ứng dịch vụ và đánh giá của hộ nông dân về dịch vụ của 3 hợp tác xã tại điểm nghiên cứu cho thấy nhiều hộ dân, đặc biệt là các hộ không phải thành viên của Hợp tác xã không thiết tha với việc sử dụng những dịch vụ này; nguyên nhân có thể kể đến là do: (i) số lượng dịch vụ cung ứng chưa phong phú với 3 loại hình chính là thủy nông, bảo vệ thực vật và khuyến nông; (ii) thời gian cung ứng dịch vụ chưa kịp thời; (iii) dịch vụ không đáp ứng yêu cầu của sản xuất nông nghiệp...

Kết quả mô hình logistic cho thấy các yếu tố ảnh hưởng một cách có ý nghĩa thống kê tới việc hộ nông dân quyết định sử dụng dịch vụ của Hợp tác xã

là: giới tính chủ hộ, mức độ đáp ứng của các loại dịch vụ, chất lượng dịch vụ, hộ là thành viên của Hợp tác xã và thái độ phục vụ của cán bộ Hợp tác xã. Mức độ ảnh hưởng cụ thể như sau:

Về giới tính: tỷ lệ xác suất để chủ hộ là nam sử dụng dịch vụ của Hợp tác xã bằng 48,5% tỷ lệ xác suất sử dụng dịch vụ của chủ hộ là nữ. Quan sát của nhóm nghiên cứu cho thấy, chủ hộ nữ, đặc biệt ở những hộ là thành viên của Hợp tác xã thường có xu hướng sử dụng dịch vụ cung ứng bởi Hợp tác xã nhiều hơn, họ cho rằng đã là thành viên của Hợp tác xã thì nên ủng hộ các hoạt động của Hợp tác xã.

Về mức độ đáp ứng dịch vụ: tỷ lệ xác suất để các hộ sử dụng dịch vụ của Hợp tác xã nếu mức độ đáp ứng dịch vụ không hoàn toàn bằng 24,8% tỷ lệ xác suất sử dụng dịch vụ nếu mức độ đáp ứng là hoàn toàn; và tỷ lệ này nếu mức độ đáp ứng một phần so với mức độ đáp ứng hoàn toàn là 80%. Điều này khẳng định sự thật rõ ràng là các hộ sẽ có xu hướng sử dụng dịch vụ của Hợp tác xã nhiều hơn nếu mức độ đáp ứng tốt hơn.

Về chất lượng dịch vụ: kết quả mô hình hồi quy cho thấy khi chất lượng dịch vụ tốt, tỷ lệ xác suất sử dụng dịch vụ của các hộ sẽ cao hơn 3,43 lần so với

Bảng 4: Đánh giá của hộ nông dân về mức độ đáp ứng của dịch vụ khuyến nông

	Đáp ứng hoàn toàn	Đáp ứng một phần	Không đáp ứng
Hộ xã viên (%)	51,3	25,7	23,0
Hộ không xã viên (%)	25,0	75,0	0,0

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2015

Bảng 5: Kết quả mô hình Binary Logistic

Tên biến	Hệ số β	Significant	EXP(β)
Giới tính	-0,723**	0,034	0,485
Trình độ	0,372	0,173	1,451
Nghành nghề	-0,730	0,335	0,482
Mức độ 1	-1,396**	0,039	0,248
Mức độ 2	-0,223*	0,085	0,800
Chất lượng 1	1,235***	0,009	3,438
Chất lượng 2	0,882*	0,068	2,416
Giá cả 1	0,770	0,199	2,160
Giá cả 2	0,256	0,329	1,292
Thời gian 1	0,426	0,477	1,531
Thời gian 2	-0,150	0,648	0,861
Hộ TV	0,053**	0,046	1,054
Thái độ 1	-0,739*	0,079	0,478
Thái độ 2	-0,479**	0,029	0,619
Hệ số tự do	-21,100	0,999	0,000

Omnibus tests of Model Coefficients: Chi - Square 15,348 Sig 0,055
Nagelkerke R Square 0,620

Nguồn: Tổng hợp kết quả mô hình Binary Logistic, 2015

chất lượng dịch vụ không tốt; khi hộ nhận định chất lượng dịch vụ là bình thường thì quyết định sử dụng của họ cũng có tỷ lệ xác suất cao hơn 2,41 lần so với chất lượng dịch vụ không tốt. Như vậy, chất lượng dịch vụ là yếu tố cần được quan tâm hàng đầu để khuyến khích các hộ xã viên và không phải xã viên sử dụng dịch vụ của các hợp tác xã nhiều hơn.

Về hộ là thành viên hợp tác xã: trong quá trình nghiên cứu nhóm tác giả kỳ vọng rằng các hộ là thành viên của Hợp tác xã sẽ có xu hướng sử dụng dịch vụ nhiều hơn. Kết quả tổng hợp số liệu mô hình một lần nữa minh chứng cho giả thiết này, hộ là thành viên Hợp tác xã có tỷ lệ xác suất quyết định sử dụng dịch vụ cao hơn 1,054 lần so với các hộ không phải thành viên. Có thể nói, kết quả này phù hợp với thực tế bởi triết lý hoạt động của Hợp tác xã là để phục vụ lợi ích của các thành viên.

Về thái độ phục vụ của cán bộ hợp tác xã: với 3 mức đánh phục vụ nhiệt tình, bình thường và không nhiệt tình, biến thái độ phục vụ của cán bộ Hợp tác xã được nhóm nghiên cứu đưa vào trong mô hình với kỳ vọng có ảnh hưởng tới quyết định sử dụng dịch vụ của các hộ nông dân. Phân tích mô hình khẳng định một cách có ý nghĩa thống kê rằng khi cán bộ Hợp tác xã không nhiệt tình phục vụ bà con thì tỷ lệ xác suất quyết định sử dụng dịch vụ chỉ bằng 47,8% tỷ lệ xác suất quyết định sử dụng dịch vụ khi hộ nhiệt tình.

4. Kết luận và giải pháp

4.1. Kết luận

Quá trình nghiên cứu thực trạng cung ứng dịch vụ và các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động cung ứng dịch vụ của 3 Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Đông Tây, Ba Chũr và Thổ Bảo tại xã Vân Nội cho thấy:

Thứ nhất: Số lượng dịch vụ được cung ứng còn hạn chế, tập trung vào 3 loại hình dịch vụ chính là thủy nông, bảo vệ thực vật và khuyến nông; trong đó dịch vụ thủy nông được đa số các hộ xã viên và không phải xã viên sử dụng; dịch vụ bảo vệ thực vật và khuyến nông được trên 80% hộ xã viên sử dụng, tỷ lệ hộ không phải thành viên Hợp tác xã sử dụng 2 loại hình dịch vụ này ít hơn 40%.

Thứ hai: Đánh giá của hộ nông dân về các dịch vụ sản xuất nông nghiệp của 3 Hợp tác xã tập trung vào 2 luồng ý kiến tốt và trung bình; trong đó dịch vụ bảo vệ thực vật được trên 50% số hộ cho là tốt, dịch vụ thủy nông và khuyến nông được nhận định phổ biến có chất lượng trung bình.

Thứ ba: Một số yếu tố quan trọng có mức độ ảnh hưởng lớn tới việc hộ nông dân có hay không lựa chọn sử dụng dịch vụ của các hợp tác xã tại Vân Nội bao gồm: giới tính chủ hộ, mức độ đáp ứng của các loại dịch vụ, chất lượng dịch vụ, thái độ phục vụ của cán bộ Hợp tác xã và hộ là xã viên Hợp tác xã.

4.2. Giải pháp đề xuất

Từ quá trình phân tích thực trạng cung ứng dịch vụ sản xuất nông nghiệp của các hợp tác xã tại Vân

Nội cũng như kết quả phân tích một số yếu tố ảnh hưởng tới quyết định sử dụng các dịch vụ này của hộ xã viên và không phải xã viên, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ của các hợp tác xã như sau:

- Các hợp tác xã cần mở rộng cũng như đa dạng hóa các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp từ trồng trọt đến chăn nuôi. Ngoài dịch vụ thủy nông, dịch vụ bảo vệ thực vật và dịch vụ khuyến nông là những loại hình dịch vụ truyền thống mà chỉ có Hợp tác xã mới đủ điều kiện cơ sở vật chất để cung cấp thì các hợp tác xã nên hướng hoạt động của mình đến các dịch vụ mà các hộ nông dân rất cần như cung ứng giống cây, con chất lượng đảm bảo; cung ứng phân bón; đặc biệt hơn nữa là tạo mạng lưới giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm.

- Đối với các dịch vụ đang được 3 hợp tác xã cung ứng như thủy nông và khuyến nông thì cần

phải thay đổi cách thức phục vụ theo hướng dựa trên nhu cầu của hộ nông dân, không dựa trên những gì Hợp tác xã có sẵn mới có thể nâng cao hiệu quả cung ứng.

- Mức độ đáp ứng của các loại dịch vụ và thái độ phục vụ của cán bộ hợp tác xã được xem là các yếu tố cần phải cải thiện nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động. Như trên đã nói, với tư tưởng phục vụ xã viên phi lợi nhuận nên nhiều hoạt động dịch vụ còn mang tính ban cho (dịch vụ thủy nông, dịch vụ khuyến nông); sự đáp ứng kịp thời về mặt thời gian và số lượng dịch vụ cũng như tinh thần thái độ phục vụ của cán bộ phụ trách các nội dung công việc chưa thật nhiệt tình nên không khuyến khích các hộ nông dân, đặc biệt là hộ không phải xã viên sử dụng các dịch vụ này. Vì vậy, mỗi Hợp tác xã cần tuyên truyền, thay đổi cách thức đáp ứng các dịch vụ đối với hộ xã viên và không xã viên nhằm khuyến khích hơn nữa các hộ sử dụng dịch vụ của mình. □

Tài liệu tham khảo

- Chính phủ (2012), *Báo cáo tổng kết thi hành luật Hợp tác xã năm 2003 (Kèm theo Tờ trình số 99/TTr-CP ngày 3 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ*, truy cập ngày 01/03/2016 từ duthaoonline.quechoi.vn/DuThao/Lists/.../Bao-caotongketthihanh.doc
- Báo Điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam (2016), *Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã*, truy cập lần cuối ngày 1 tháng 3 năm 2016, từ <http://dangcongsan.vn/xay-dung-dang/nang-cao-hieu-qua-hoat-dong-cua-hop-tac-xa-367289.html>.
- Nguyễn Văn Tuấn (2013), *Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã nông nghiệp ở huyện Giá Rai tỉnh Bạc Liêu*, truy cập lần cuối ngày 29 tháng 2 năm 2016, từ [http://blu.edu.vn/files/PHONG%20QLKH/GII_PHP_NNG_CAO_HIU_QU_HOT_NG_CA_HP_TC_X_NN_G_NGHIP_HUYEN_GI_RAI_TNH_BC_LIU\(1\).pdf](http://blu.edu.vn/files/PHONG%20QLKH/GII_PHP_NNG_CAO_HIU_QU_HOT_NG_CA_HP_TC_X_NN_G_NGHIP_HUYEN_GI_RAI_TNH_BC_LIU(1).pdf).
- Phạm Bảo Dương (2012), 'Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển Hợp tác xã kiểu mới trong nông nghiệp', *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, 415, 38-46.
- Sơn Tùng (2015), *Triển khai Luật Hợp tác xã trên địa bàn Hà Nội: Không chạy theo số lượng*, truy cập lần cuối ngày 3 tháng 3 năm 2016, từ <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Kinh-te/818434/trien-khai-luat-hop-tac-xa-tren-dia-ban-ha-noi-khong-chay-theo-so-luong>.
- Trần Quốc Nhân, Lê Duy, Đỗ Văn Hoàng & Nguyễn Duy Cần (2012), 'Phân tích lợi ích do HTX nông nghiệp kiểu mới mang lại cho người dân: Trường hợp nghiên cứu Hợp tác xã Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ', *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ*, 22b, 283-293.
- Ủy ban nhân dân xã Vân Nội (2014), *Báo cáo kết quả tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2014*, xã Vân Nội.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Thị Hải Ninh**, Thạc sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế tài nguyên và Môi trường, Phân tích chính sách.

- Một số tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, *tạp chí Kinh tế và dự báo*, *tạp chí Khoa học và Phát triển*...

- Địa chỉ E-mail: haininh.hua@gmail.com.

****Trần Mạnh Hải**, Thạc sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam